TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 698/2018/DS-ST
Ngày: 27/8/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang;

2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2017/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-DS ngày 09/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Văn T. Sinh năm: 1971

Địa chỉ thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ tạm trú: khu phố, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Ngân hàng V và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngân hàng V (VP Bank) là nguyên đơn có ông Trịnh Đình Vĩnh Tiến làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/7/2015, Ngân hàng V đã cho Ông Trần Văn T vay vốn 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 3897617 căn cứ theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng

tín dụng ngày 30/6/2015. Lãi suất vay được tính là 27%/năm, thời hạn vay 48 tháng.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng).

Ngày 19/8/2015 và ngày 20/8/2015, ông T thanh toán cho ngân hàng 1.593.845đ (một triệu năm trăm chín mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng) tiền vốn và 1.029.748đ (một triệu không trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng) tiền lãi.

Ngày 16/10/2015 và ngày 28/10/2015, ông T thanh toán 1.610.302đ (một triệu sáu trăm mười ngàn ba trăm lẻ hai đồng) tiền gốc và 1.044.198đ (một triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm chín mươi tám đồng) tiền lãi.

Ngày 19/01/2016, ông T thanh toán 2.616.000đ (hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Ngày 13/8/2016, ông T thanh toán 2.616.000đ (hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Ngày 16/9/2016, ông T thanh toán 2.616.000đ (hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Ngày 15/02/2017, ông T thanh toán 3.380.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Ngày 11/3/2017, ông T thanh toán 3.370.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Đến ngày 14/4/2017, ông T thanh toán lần cuối số tiền 3.380.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Tất cả các khoản tiền ông T thanh toán từ ngày 19/01/2016 đến ngày 14/4/2017 đều được trả vào khoản tiền lãi ông T còn thiếu của ngân hàng. Như vậy, tổng cộng ông T đã thanh toán được 3.204.147đ (ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng) nợ gốc và 20.051.946đ (hai mươi triệu không trăm năm mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng) nợ lãi.

Kể từ ngày 15/4/2017 đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận Hợp đồng hai bên đã ký. Phía VPBank đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông T thanh toán, nhưng ông T cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng V quyết định khởi kiện ông T ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 05/07/2018, tình trạng dư nợ của ông T như sau: nợ gốc là 95.795.853đ (chín mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi là 95.992.748đ (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng là: 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng).

Nay, Ngân hàng V kính đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết buộc Ông Trần Văn T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 05/07/2018 là: 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng).

Ngoài ra Ông Trần Văn T phải thanh toán cho VPBank tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 06/07/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt. Riêng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 30/6/2015 giữa Ngân hàng V với Ông Trần Văn T cho thấy ông T có vay của ngân hàng số tiền 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) với lãi suất 27%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Ông Trần Văn T là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn Ông Trần Văn T có nơi cư trú tại phường, quận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Do cá nhân Ông Trần Văn T giao dịch với ngân hàng, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu Ông Trần Văn T trả tiền. Ông T không có yêu cầu gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông T (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét đến trách nhiệm liên đới giữa ông T và vợ của ông T (nếu có) để trả nợ cho nguyên đơn do không có đương sự nào yêu cầu.

Ông Trịnh Đình Vĩnh Tiến (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt, Ông Trần Văn T là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một*

bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Ông Trần Văn T phải trả số nợ gốc là 95.795.853 (chín mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi tạm tính đến ngày 05/7/2018 là 95.992.748đ (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng là: 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu Ông Trần Văn T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 06/7/2018 cho đến khi ông T thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Ngày 30/6/2015, Ông Trần Văn T ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xét về hình thức, hợp đồng tín dụng nói trên được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng - Ngân hàng V là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; Ông Trần Văn T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ngân hàng và ông T tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Ông Trần Văn T số tiền 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này của hai bên đương sự phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng:*"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng"*.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Trần Văn T đã nhận đủ 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân và cũng đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 3.204.147đ (ba triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm bốn mươi bảy đồng) nợ gốc và 20.051.946đ (hai mươi triệu không trăm năm mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng) nợ lãi. Do liên tục vi phạm việc trả nợ, tính đến ngày 05/07/2018 tình trạng dư nợ của ông T như sau: nợ gốc là 95.795.853 (chín mươi

lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi là 95.992.748đ (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng là: 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu Ông Trần Văn T phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2018 là 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng) là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và cũng phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán từ năm 2017 đến nay nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, Ông Trần Văn T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận đã ký kết với ngân hàng.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Do bị đơn vắng mặt, Tòa án phải tiến hành các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn nên thời hạn xét xử chưa đảm bảo như nhận xét của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng V không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Trần Văn T phải nộp án phí tính trên số tiền 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng) phải trả cho ngân hàng, án phí được tính là: 9.589.460đ (chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147,điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V yêu cầu Ông Trần Văn T trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/6/2015 giữa Ngân hàng V với Ông Trần Văn T.

2. Buộc Ông Trần Văn T phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 95.795.853 (chín mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi ba đồng), nợ lãi tạm tính đến ngày 05/7/2018 là 95.992.748đ (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng là: 191.788.601đ (một trăm chín mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm lẻ một đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời, Ông Trần Văn T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 06/7/2018 theo quy định của đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/6/2015 mà hai bên ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí là 3.696.223đ (ba triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) theo biên lai số 0001240 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Văn T phải nộp 9.589.460đ (chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh